

Số: **31** /BC-STC

Tuyên Quang, ngày **12** tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2019

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hiện hành hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2231/QĐ-BTC ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 của Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Sở Tài chính trân trọng báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019, như sau:

1. Thu ngân sách nhà nước: (Có Biểu số 60/CK-NSNN kèm theo)

Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 2.172.721 triệu đồng, đạt 104,5% dự toán. Thu nội địa: 2.057.612 triệu đồng, đạt 103,9% dự toán, trong đó:

- Có 08/13 khoản thu vượt dự toán:

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương đạt 107,9% dự toán.

+ Thu thuế bảo vệ môi trường đạt 101,6% dự toán

+ Thu phí, lệ phí đạt 108,1% dự toán.

+ Các khoản thu về nhà đất đạt 144,0% dự toán.

+ Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 100,8% dự toán.

+ Thu khác của ngân sách đạt 119,7% dự toán.

- + Thu cố định tại xã đạt 147,6% dự toán.
- + Thu cố tức và lợi nhuận được chia đạt 169,7% dự toán.
- Có 05/13 khoản thu không đạt dự toán giao, đó là:
 - + Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt 98,2% dự toán.
 - + Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài đạt 64,3% dự toán.
 - + Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 86,6% dự toán.
 - + Thu thuế thu nhập cá nhân đạt 93,9% dự toán.
 - + Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 94,7% dự toán.

2. Chi ngân sách: (Có Biểu số 61/CK-NSNN kèm theo)

Thực hiện dự toán chi ngân sách địa phương năm 2019 trên địa bàn tỉnh đến ngày 31/12/2019 như sau:

- Chi đầu tư phát triển: 2.220.529 triệu đồng (không bao gồm vốn đầu tư thực hiện các CTMTQG, vốn đầu tư cho các chương trình dự án từ nguồn bổ sung có mục tiêu NSTW cho NSDP).

Tổng số chi đầu tư phát triển trong kế hoạch vốn được giao năm 2019 là 1.845.829/2.348.446 triệu đồng, đạt 79% kế hoạch.

- Chi thường xuyên: 4.953.555 triệu đồng, đạt 86,2% dự toán.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2019. Sở Tài chính trân trọng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận: H

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Công báo Tuyên Quang (Công khai);
- Website Sở Tài chính (Công khai);
- Lưu: VT, QLNS (Hiện.04).

GIÁM ĐỐC



Hà Trung Kiên

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 14/BC-STC ngày 12/02/2020 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.080.000	2.172.721	104,5%	110,6%
I	Thu cân đối NSNN	2.080.000	2.172.721	104,5%	110,6%
1	Thu nội địa	1.980.000	2.057.612	103,9%	111,0%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	100.000	108.055	108,1%	101,0%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	7.468.345	8.195.915	109,7%	115,2%
I	Chi cân đối NSDP	6.545.823	7.287.226	111,3%	104,5%
1	Chi đầu tư phát triển	670.080	2.220.529	331,4%	
2	Chi thường xuyên	5.749.010	4.950.687	86,1%	
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.100			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200	100,0%	
5	Dự phòng ngân sách	124.433	114.810	92,3%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	922.522	908.689	98,5%	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GÓC	66.800	66.000		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 311/BC-STC ngày 12/02/2020 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	7.468.345	8.195.915	109,7%	115,2%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	6.545.823	7.287.226	111,3%	104,5%
I	Chi đầu tư phát triển	670.080	2.220.529	331,4%	
1	Chi đầu tư cho các dự án	610.080	2.204.588	361,4%	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		5.400		
3	Chi đầu tư phát triển khác	60.000	10.541	17,6%	
II	Chi thường xuyên	5.749.010	4.950.687	86,1%	
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.458.079	2.155.658	87,7%	
2	Chi khoa học và công nghệ	18.071	19.433	107,5%	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	665.899	572.690	86,0%	
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	60.863	67.532	111,0%	
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	61.074	66.654	109,1%	
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	106.688	84.449	79,2%	
8	Chi sự nghiệp kinh tế	668.236	297.769	44,6%	
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.320.060	1.279.590	96,9%	
10	Chi bảo đảm xã hội	236.069	230.222	97,5%	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.100			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200	100,0%	
V	Dự phòng ngân sách	124.433	114.810	92,3%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	922.522	908.689	98,5%	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	423.548	374.860	88,5%	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	397.020	430.204	108,4%	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	101.954	103.625	101,6%	


ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 34/BC-STC ngày 12/02/2020 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.080.000	2.172.721	104,5%	110,6%
I	Thu nội địa	1.980.000	2.057.612	103,9%	111,0%
1	Thu từ khu vực DNNN	383.000	407.002	106,3%	109,3%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	30.000	19.279	64,3%	57,4%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	600.000	519.839	86,6%	99,6%
4	Thuế thu nhập cá nhân	96.000	90.139	93,9%	107,6%
5	Thuế bảo vệ môi trường	270.000	274.436	101,6%	131,4%
6	Lệ phí trước bạ	112.000	127.162	113,5%	114,8%
7	Thu phí, lệ phí	63.000	61.946	98,3%	105,4%
8	Các khoản thu về nhà, đất	261.000	375.851	144,0%	134,7%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		1		40,4%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.000	1.648	164,8%	84,7%
-	Thu tiền sử dụng đất	200.000	278.846	139,4%	129,8%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	60.000	94.756	157,9%	152,5%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		600		
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	62.000	62.517	100,8%	77,3%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	1.000	1.697	169,7%	206,2%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	22.000	20.840	94,7%	99,9%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	4.000	5.903	147,6%	132,6%
13	Thu khác ngân sách	76.000	91.000	119,7%	116,1%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	100.000	108.055	108,1%	101,0%
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	1.756.146	1.788.171	101,8%	107,7%